

ĐƠN VỊ NGỮ PHÁP NHỎ NHẤT CỦA TIẾNG VIỆT

HOÀNG TRỌNG PHIẾN *

1. Một trong những thao tác đầu tiên khi học một thứ tiếng là nhận diện ranh giới các đơn vị ngôn ngữ trên tuyến tính của chuỗi lời nói. Người nước ngoài gặp các kết hợp sau đây thường không nhận biết ranh giới giữa các yếu tố. Do đó, kéo theo sự không nhận biết nghĩa của đơn vị ngôn ngữ.

Ví dụ:

- *Các anh*, có thể thành $\Rightarrow$ *cáI canh*.
- *Bất thành linh*, có thể thành $\Rightarrow$ *bất thành/lình*.
- *Tôi thử thách anh*, có thể thành $\Rightarrow$ *tôi thử/ thách anh*;
tôi/ thử thách/ anh.

Nhận diện ranh giới trên chữ viết dễ hơn ngôn ngữ nói. Những khả năng tách các tổ hợp trên có liên quan đến đơn vị ngữ pháp nhỏ nhất. Nhằm mục đích thực hành tiếng, xuất phát từ đặc trưng loại hình tiếng Việt, chúng tôi cho rằng đơn vị ngữ pháp nhỏ nhất không phải là hình vị (morphème) mà phải là “ngữ tố”¹. Khái niệm hình vị là xuất phát từ truyền thống và loại hình các ngôn ngữ khuất chiết. Nó là bộ phận nhỏ nhất có nghĩa của từ. Ranh giới hình vị căn tố, hình vị phụ tố rất rõ. Bàn về khái niệm hình vị, từ trong tiếng Việt có rất nhiều ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, trong thực tiễn lý giải cấu trúc ngữ pháp và dạy ngữ pháp thực hành gặp không ít khó khăn. Chẳng hạn, *bất thành linh*, *biển biệt*, *đẹp dễ*, *cái đẹp* có bao nhiêu âm tiết, bao nhiêu hình vị và có bao nhiêu từ? Cho đến nay câu hỏi: thế nào là hình vị, thế nào là từ vẫn chưa được trả lời thoả đáng. Ấy thế mà trong thực tế dạy tiếng Việt cho học sinh, cho người nước ngoài, việc biên tập, biên

* Giáo sư, Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Việt Nam.

phiên dịch, ngay cả việc nạp phần mềm máy tính vẫn coi “tiếng một”² là đơn vị hiển nhiên. Tiếng một ứng với một âm tiết làm thành yếu tố gốc cấu tạo nên từ với các kiểu loại khác nhau.

Nếu lấy hình vị làm đơn vị “hiển nhiên”³ và chia thành hình vị thực, hình vị hư dựa vào nội dung ngữ nghĩa thì hoá ra hình vị trùng với từ. Cho nên việc chọn một đơn vị hiển nhiên làm đơn vị ngữ pháp nhỏ nhất cần xuất phát từ sự hoạt động ngữ pháp của nó. Chúng ta không câu nệ với tên gọi (thuật ngữ), đành rằng tạo một thuật ngữ ngôn ngữ học phải bảo đảm tính hệ thống và nằm trong hệ thống. Cái chính của mỗi thuật ngữ là phản ánh tương đối đúng nét khu biệt làm thành đặc trưng của chính đơn vị ngôn ngữ ấy.

2. Việc xác định cương vị của ngữ tố phải được phân biệt với âm tiết, từ.

Ví dụ: ta có các phát ngôn mang nghĩa thông báo sau đây:

- (1) Cô Lan đi chợ.
- (2) Nhà cửa khang trang, đẹp đẽ.
- (3) Những tháng năm cách xa biển biệt.
- (4) Cô ta đến bất thình lình, không báo trước.
- (5) Đời còn quý chữ nhân thì chưa đến nỗi thất vọng.

Có thể phân xuất mỗi câu thành các đơn vị. Câu (1) có bốn âm tiết, mỗi âm tiết ứng với một từ. Câu (2) có sáu âm tiết và ba từ. Câu (3) có bảy âm tiết và chỉ có bốn từ. Câu (4) có chín âm tiết lại chỉ có bảy từ. Câu (5) có mười một âm tiết và mười từ.

Từ đó thấy rằng âm tiết có lúc trùng với từ và không trùng với từ.

Âm tiết- ngữ tố- từ là những đơn vị thuộc vào các cấp bậc khác nhau. Âm tiết tiếng Việt khác với các ngôn ngữ khuếch chiết là bằng từ và nhỏ hơn từ. Ranh giới rõ ràng, phát âm tách biệt trong chuỗi phát ngôn. Âm tiết là một khối, được viết thành một tổ hợp con chữ, nên người Việt có cảm nhận như một chữ, mỗi chữ là một tiếng. Và lại, âm tiết tiếng Việt có tiềm tàng khả năng mang nghĩa của một từ. Do cảm nhận đó mà nhiều nhà ngôn ngữ học gọi đơn vị ngữ pháp tiếng Việt là: hình-tiết (sy-morpheme). Về cấp bậc ngữ âm học, âm tiết là khuôn hình cấu trúc lớn nhất, từ đó phân xuất thành hệ thống âm vị. Tuy nhiên, trong tiếng Việt, âm tiết có chức năng và hoạt động trong các loại hình câu nói. Do đó, nó cũng có cương vị như từ đơn. Khi âm tiết có khả năng hoạt động tự do hoặc độc lập thì nó đã chuyển hệ rồi. Trường hợp này âm tiết cũng là từ.

Do đó, từ được cấu tạo không phải nhờ âm tiết mà dựa vào ngữ tố. *Ngữ tố được hiểu là một tổ hợp âm- nghĩa nhỏ nhất làm thành tố cấu tạo từ đa tiết, làm chức năng ngữ pháp nhất định.* Trong định nghĩa có tính chất làm việc này, “một tổ hợp âm nghĩa nhỏ nhất” làm thành tiêu chế phân xuất đơn vị ngữ tố. Một tổ hợp

âm tiết nào đó không thể phân xuất tiếp tục lại có nghĩa được. Trong trường hợp này, yếu tố được phân ra ứng với âm tiết thuần về ngữ âm. Ngữ tố phải mang nghĩa nhất định. Chẳng hạn, “nhà cửa” là một từ với nghĩa tập hợp, có hai ngữ tố; “đẹp đẽ” là một từ có hai ngữ tố trong đó ngữ tố “đẹp” có nghĩa rõ ràng, còn ngữ tố “đẽ” không có nghĩa từ vựng mà có nghĩa ngữ pháp. Song, nhờ có “đẽ” kết hợp chặt chẽ với “đẹp” mới tạo thành tổ hợp âm nghĩa có được nghĩa khái quát khác với từ “đẹp”. Do đó, “đẹp đẽ” làm thành một đơn vị từ điển. Còn “thình lình” và “bất thình lình” cùng mang nét nghĩa “hết sức bất ngờ, không lường trước được”. Nhưng “bất thình lình” có thêm nét nghĩa bổ sung “đột nhiên”. Cả hai đều là các đơn vị từ điển.

Bởi vì, “thình lình” là một từ có một ngữ tố, “bất thình lình” là một từ có hai ngữ tố. Nếu tách: *bất/ thình lình* nét nghĩa hai thành tố khá rõ, còn tách: *thình/ lình* mỗi thành tố ứng với một âm tiết không mang nghĩa gì hết. *Thình* là một ngữ tố, một từ khi nó mang nghĩa mô phỏng của tiếng động nào đó, *to, nặng*. Trong trường hợp này, “thình” không phải là *thình* trong *thình lình*. Cách phân xuất này thích hợp cho nhiều trường hợp các kiểu từ phái sinh và từ láy của tiếng Việt. Chẳng hạn, *châu chấu, cào cào* là những ngữ tố gồm hai bộ phận không có nghĩa, còn *lạnh lùng* là một ngữ tố, cũng là một từ gồm một bộ phận có nghĩa và một bộ phận khác “lùng” mang nghĩa ngữ pháp *mức độ* để phân biệt với “lạnh”. Do đó, không phải bất cứ từ láy đôi nào trong tiếng Việt cũng là kết quả “nhân đôi”⁴.

Từ sự phân xuất trên, chúng ta có thể rút ra mấy phân biệt sau đây:

- a) Phần lớn ngữ tố là đơn âm tiết mà trong đó một phần không nhỏ có khả năng hoạt động như một từ. Trong trường hợp này, ngữ tố cũng có khả năng mở rộng cấu trúc của mình để thành các đơn vị ngữ đoạn.
- b) Một âm tiết = ngữ tố = từ, ta gọi là *từ đơn âm* hoặc *từ đơn tố*. Chẳng hạn, *anh, ông, hát, đi, chợ, đọc, nghe...*
- c) Một âm tiết = một ngữ tố, không phải là *từ*, chẳng hạn phần lớn các yếu tố gốc Hán: *quốc, hải, thủy, quân, sử...*
- d) Một âm tiết không phải là *ngữ tố* cũng không phải là *từ*, chẳng hạn: *băn, khoản*, trong từ “băn khoăn”; *thình, lình* trong từ “thình lình”; *rắc, rối* trong từ “rắc rối”; kể cả các cách rút gọn từ vay mượn Ấn - Âu như: *búp, bê* trong “búp bê” (*poupée*); *xà, phòng* trong “xà phòng” (*savon*); *xoong* trong (*casserole*); *lớp* trong (*enveloppe*); *siêu, âm* trong “siêu âm” (*ultra-son*= *ultra- siêu, son-âm*)...
- e) Một âm tiết ở cấp bậc này là ngữ tố, ở cấp bậc khác lại là từ. Đó là trường hợp của cấu tạo từ ghép nghĩa đẳng lập. Chẳng hạn, *nhà, cửa* trong “nhà

“lạnh lùng” ; *lẽo* trong “lạnh lẽo”; *lành* trong “lành lạnh” ; *đẽ* trong “đẹp đẽ”; *đai* trong “đất đai”; *khứa* trong “khách khứa”v.v...

3. Từ cách tri nhận, phân biệt âm tiết - ngữ tố - từ đã nói ở trên, có thể minh họa bằng một bảng so sánh sau đây:

Đơn vị	ví dụ: bất thình linh, biến biệt, quần áo, chạy							
Âm tiết	bất	thình	linh	biến	biệt	quần	áo	chạy
Ngữ tố	bất	thình linh		biến biệt		quần	áo	
Từ	bất thình linh					quần áo		
Phân biệt	- 3 âm tiết - 2 ngữ tố - 1 từ			- 2 âm tiết - 1 ngữ tố - 1 từ		- 2 âm tiết - 2 ngữ tố - 1 từ		

So với khái niệm “tiếng” hoặc “ hình vị” thì khái niệm *ngữ tố* (hoặc *ngữ vị*) với tư cách một đơn vị âm - nghĩa nhỏ nhất thích hợp cho việc miêu tả, phân tích cấu tạo các đơn vị ngôn ngữ lớn hơn nó và giản tiện theo cảm ngữ tri nhận của người Việt Nam. Vả lại, đơn vị ngữ tố (ngữ vị) này thể hiện được tính hai mặt của một kí hiệu ngôn ngữ. Nó cũng thoả mãn được nguyên lý: các đơn vị ngôn ngữ phân biệt nhau về chất, mà sự phân biệt đó là do chức năng của chúng quy định. Nó cũng là đặc trưng loại hình độc lập, phân tích tính của tiếng Việt.

CHÚ THÍCH

- 1. Thuật ngữ này được dùng trong *Ngữ pháp tiếng Việt thực hành* của Hoàng Mẫn Trung, Phó Thành Cật, Bắc Kinh, 1994.
- 2. Thuật ngữ này đã dùng trong *Tiếng- từ ghép- đoạn ngữ* của Nguyễn Tài Cẩn, Hà Nội, 1975.
- 3. Thuật ngữ này đã dùng trong *Loại hình các ngôn ngữ* của N.V. Xtankêvích, Hà Nội, 1982.
- 4. Thuật ngữ này do Hoàng Văn Hành dùng trong công trình *Từ láy trong tiếng Việt*, Hà Nội, 1985.